

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN

Học Kỳ 2 - Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 16
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2122110249	Nguyễn Võ	An	29/12/2004	CCQ2211G	8.2	6.6	7.2
2	2122110319	Phan Bảo	An	11/04/2004	CCQ2211H	7.9	6.8	7.2
3	2122110294	Phạm Hoài	Ân	20/11/2003	CCQ2211H	7.6	5.6	6.4
4	2122110252	Lâm Đình Bảo	Bảo	28/10/2004	CCQ2211G	7.9	7.2	7.5
5	2122110313	Nguyễn Đình	Bảo	28/12/2004	CCQ2211H	8.0	7.2	7.5
6	2122110291	Võ Thế	Bình	18/05/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
7	2122110282	Lê Thành	Chiến	15/05/2004	CCQ2211H	7.9	5.8	6.6
8	2122110306	Lê Thành	Chiêu	20/02/2004	CCQ2211H	8.0	5.2	6.3
9	2122110297	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2211H	7.9	8.0	8.0
10	2122110266	Lê Hùng	Cường	21/02/2004	CCQ2211G	8.7	6.8	7.6
11	2122110247	Ngô Quốc	Cường	11/10/2004	CCQ2211G	7.6	6.4	6.9
12	2122110307	Phạm Hùng	Diệp	09/08/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
13	2122110289	Huỳnh Võ Thùy	Dung	16/09/2004	CCQ2211H	8.4	7.6	7.9
14	2122110502	Đoàn Gia	Dự	18/07/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
15	2122110292	Sử Thanh	Đạo	18/09/2003	CCQ2211H	0.0		0.0
16	2122110260	Thái Thành	Đạt	19/01/2004	CCQ2211G	7.9	4.8	6.0
17	2122110265	Lê Huỳnh	Đức	19/08/2004	CCQ2211G	7.7	7.8	7.8
18	2122110279	Trang Sĩ	Được	19/08/2004	CCQ2211G	8.3	5.6	6.7
19	2122110311	Nguyễn Phan Văn Thiện	Hải	11/06/2004	CCQ2211H	6.1	6.6	6.4
20	2122110261	Mai Thị Kim	Hiền	28/11/2004	CCQ2211G	8.0	8.2	8.1
21	2122110316	Nguyễn Minh	Hiền	20/12/2004	CCQ2211H	7.1	5.6	6.2
22	2122110305	Nguyễn Trọng	Hiếu	07/04/2004	CCQ2211H	7.7	6.8	7.2
23	2122110267	Đa Hồng	Hiệu	14/08/2004	CCQ2211G	7.2	6.4	6.7
24	2122110259	Huỳnh Văn	Hoà	21/03/2004	CCQ2211G	7.6	6.2	6.8
25	2122110262	Trần Thị Minh	Hoài	06/05/2004	CCQ2211G	8.3	8.4	8.4

26	2122110303	Phạm Đức	Hùng	03/10/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
27	2122110278	Nguyễn Tấn	Huy	25/01/2004	CCQ2211G	7.5	5.2	6.1
28	2122110349	Trần La Đức	Huy	03/05/2004	CCQ2211G	7.8	5.0	6.1
29	2122110284	Trần Lê	Hưng	27/08/2004	CCQ2211H	7.4	6.8	7.0
30	2122110243	Võ Phan Kha	Hy	12/11/2003	CCQ2211G	7.9	7.4	7.6
31	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
32	2122110241	Bùi Đức	Kiểm	07/06/2004	CCQ2211G	8.4	7.2	7.7
33	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	30/09/2004	CCQ2211H	7.6	6.6	7.0
34	2122110304	Văn Bá	Liêm	07/11/2004	CCQ2211H	7.7	7.8	7.8
35	2122130036	Lê Thị Mỹ	Linh	19/05/2004	CCQ2211H	7.2	6.8	7.0
36	2122110286	Nguyễn Trương Thành	Long	25/10/2004	CCQ2211H	8.0	7.0	7.4
37	2122110271	Bùi Đình	Lợi	02/06/2004	CCQ2211G	0.0		0.0
38	2122110264	Trương Hữu	Lợi	14/06/2004	CCQ2211G	7.9	5.8	6.6
39	2122110255	Phạm Văn	Mạnh	10/05/2004	CCQ2211G	7.5	5.8	6.5
40	2122110269	Trương Minh	Mẫn	01/11/2004	CCQ2211G	7.9	7.2	7.5
41	2122110287	Bùi Quốc	Minh	10/06/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
42	2122110276	Đặng Hoàng	Nam	01/11/2004	CCQ2211G	8.1	6.6	7.2
43	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	08/12/2003	CCQ2211H	8.4	6.2	7.1
44	2122110275	Võ Hoài	Nam	26/04/2004	CCQ2211G	6.4	5.8	6.0
45	2122110296	Huỳnh Ngô Hữu	Nghị	03/07/2004	CCQ2211H	0.0		0.0
46	2122110280	Bùi Hữu	Nghĩa	20/08/2003	CCQ2211G	7.4	6.4	6.8
47	2122110272	Dương Tấn	Ngọc	24/10/2004	CCQ2211G	7.8	7.0	7.3
48	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	6.7	7.6	7.2
49	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyên	25/09/2004	CCQ2211H	6.8	6.2	6.4
50	2122110299	Huỳnh	Nhã	27/09/2004	CCQ2211H	7.3	6.6	6.9
51	2122110244	Lê Thị Hồng	Nhung	01/04/2004	CCQ2211G	7.6	6.8	7.1
52	2122110302	Trần Tiến	Phát	30/03/2003	CCQ2211H	8.0	6.6	7.2
53	2122110257	Lê Hải	Phú	04/06/2004	CCQ2211G	7.8	7.0	7.3
54	2122110268	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/02/2004	CCQ2211G	8.0	6.6	7.2
55	2122110500	Phạm Hoàng	Phúc	16/12/2003	CCQ2211H	0.0		0.0
56	2122110270	Vũ Đình	Phúc	17/08/2004	CCQ2211G	0.0		0.0
57	2122110312	Mai Vũ	Quốc	19/06/2003	CCQ2211H	7.8	6.0	6.7
58	2122110315	Nguyễn Vinh	Sơn	28/02/1998	CCQ2211H	8.4	7.0	7.6
59	2122110242	Trương Thị Kim	Sương	08/04/2004	CCQ2211G	7.8	7.6	7.7
60	2122110248	Phạm Trần Xuân	Tân	12/10/2004	CCQ2211G	7.8	6.8	7.2

61	2122110245	Phan Thị Thanh	Thảo	01/07/2004	CCQ2211G	6.8	6.0	6.3
62	2122110277	Nguyễn Phước	Thắng	24/01/2004	CCQ2211G	7.9	6.6	7.1
63	2122110246	Trần	Thức	22/02/2003	CCQ2211G	8.1	7.4	7.7
64	2122110254	Phan Ngọc	Thương	06/09/2004	CCQ2211G	7.8	7.2	7.4
65	2122110301	Tiêu Thị Minh	Thương	15/04/2004	CCQ2211H	7.4	6.8	7.0
66	2122110253	Nguyễn Văn	Tĩnh	05/10/2004	CCQ2211G	7.5	7.0	7.2
67	2122110256	Huỳnh Minh	Trí	14/02/2004	CCQ2211G	7.8	5.4	6.4
68	2122110250	Trần Nhật	Tú	28/09/2004	CCQ2211G	8.9	5.6	6.9
69	2122110263	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/05/2004	CCQ2211G	7.1	6.6	6.8
70	2122110251	Nguyễn Trung	Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G	7.6	8.2	8.0
71	2122110283	Phạm Chánh	Tuấn	01/01/2004	CCQ2211H	7.8	7.8	7.8
72	2122110310	Loan Thanh	Tùng	16/12/2004	CCQ2211H	6.7	6.6	6.6
73	2122110317	Phan Thành	Vĩ	03/02/2004	CCQ2211H	8.0	6.8	7.3
74	2122110258	Huỳnh Đức	Việt	12/07/2004	CCQ2211G	8.1	6.0	6.8
75	2122110285	Nguyễn Quốc	Việt	28/09/2004	CCQ2211H	7.8	6.6	7.1
76								
77								
78								
79								
80								

Tp. Thủ Đức, ngày 03 tháng 04 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 2- Năm Học 2022-2023

Môn học/Nhóm
CBGD

Giáo dục quốc phòng và an ninh - Nhóm 16
Nguyễn Trung Lục

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2122110249	Nguyễn Võ	An	29/12/2004	CCQ2211G	7.0	7.0	6.5	8.3	10.0	8.2	
2	2122110319	Phan Bảo	An	11/04/2004	CCQ2211H	5.5	7.0	7.0	9.0	9.0	7.9	
3	2122110294	Phạm Hoài	Ân	20/11/2003	CCQ2211H	5.5	6.0	6.5	8.7	9.0	7.6	
4	2122110252	Lâm Đình Bảo	Bảo	28/10/2004	CCQ2211G	5.5	7.0	6.5	9.3	9.0	7.9	
5	2122110313	Nguyễn Đình	Bảo	28/12/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	6.5	9.3	9.0	8.0	
6	2122110291	Võ Thế	Bình	18/05/2004	CCQ2211H						0.0	
7	2122110282	Lê Thành	Chiến	15/05/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	6.5	9.0	9.0	7.9	
8	2122110306	Lê Thành	Chiêu	20/02/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	6.5	9.3	9.0	8.0	
9	2122110297	Nguyễn Văn	Chính	30/09/2004	CCQ2211H	5.5	6.5	6.5	9.3	9.0	7.9	
10	2122110266	Lê Hùng	Cường	21/02/2004	CCQ2211G	7.0	6.5	8.0	9.7	10.0	8.7	
11	2122110247	Ngô Quốc	Cường	11/10/2004	CCQ2211G	5.5	6.0	7.0	9.3	8.0	7.6	
12	2122110307	Phạm Hùng	Diệp	09/08/2004	CCQ2211H						0.0	
13	2122110289	Huỳnh Võ Thùy	Dung	16/09/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	7.5	9.0	10.0	8.4	
14	2122110502	Đoàn Gia	Dự	18/07/2004	CCQ2211H						0.0	
15	2122110292	Sử Thanh	Đạo	18/09/2003	CCQ2211H						0.0	
16	2122110260	Thái Thành	Đạt	19/01/2004	CCQ2211G	6.0	7.5	7.0	8.3	9.0	7.9	
17	2122110265	Lê Huỳnh	Đức	19/08/2004	CCQ2211G	5.5	6.5	6.5	8.7	9.0	7.7	
18	2122110279	Trang Sĩ	Được	19/08/2004	CCQ2211G	6.5	6.5	8.0	9.7	9.0	8.3	
19	2122110311	Nguyễn Phan Văn Thiện	Hải	11/06/2004	CCQ2211H	5.0	5.5	6.5	5.7	7.0	6.1	
20	2122110261	Mai Thị Kim	Hiền	28/11/2004	CCQ2211G	7.5	7.5	7.5	7.7	9.0	8.0	
21	2122110316	Nguyễn Minh	Hiền	20/12/2004	CCQ2211H	6.0	6.5	6.5	6.3	9.0	7.1	
22	2122110305	Nguyễn Trọng	Hiếu	07/04/2004	CCQ2211H	6.0	6.0	6.5	8.7	9.0	7.7	
23	2122110267	Đa Hồng	Hiệu	14/08/2004	CCQ2211G	5.0	7.5	6.5	7.7	8.0	7.2	
24	2122110259	Huỳnh Văn	Hoà	21/03/2004	CCQ2211G	6.5	6.5	6.5	7.7	9.0	7.6	
25	2122110262	Trần Thị Minh	Hoài	06/05/2004	CCQ2211G	7.0	6.5	7.5	9.7	9.0	8.3	
26	2122110303	Phạm Đức	Hùng	03/10/2004	CCQ2211H						0.0	

27	2122110278	Nguyễn Tấn Huy	Huy	25/01/2004	CCQ2211G	6.0	5.5	7.0	9.0	8.0	7.5	
28	2122110349	Trần La Đức	Huy	03/05/2004	CCQ2211G	6.5	5.5	8.0	8.3	9.0	7.8	
29	2122110284	Trần Lê	Hưng	27/08/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	6.5	9.3	7.0	7.4	
30	2122110243	Võ Phan Kha	Hy	12/11/2003	CCQ2211G	4.5	5.5	8.0	9.7	9.0	7.9	
31	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H						0.0	
32	2122110241	Bùi Đức	Kiểm	07/06/2004	CCQ2211G	7.5	7.0	6.5	10.0	9.0	8.4	
33	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	30/09/2004	CCQ2211H	6.5	7	6.5	8.7	8	7.6	
34	2122110304	Văn Bá	Liêm	07/11/2004	CCQ2211H	4.5	6.5	6.5	9.3	9.0	7.7	
35	2122130036	Lê Thị Mỹ	Linh	19/05/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	7.5	6.0	9.0	7.2	
36	2122110286	Nguyễn Trương Thành	Long	25/10/2004	CCQ2211H	5.0	6.5	7.0	9.7	9.0	8.0	
37	2122110271	Bùi Đình	Lợi	02/06/2004	CCQ2211G						0.0	
38	2122110264	Trương Hữu	Lợi	14/06/2004	CCQ2211G	6.0	7.0	7.0	8.7	9.0	7.9	
39	2122110255	Phạm Văn	Mạnh	10/05/2004	CCQ2211G	5.0	7.0	6.5	8.0	9.0	7.5	
40	2122110269	Trương Minh	Mẫn	01/11/2004	CCQ2211G	6.5	6.5	6.5	9.0	9.0	7.9	
41	2122110287	Bùi Quốc	Minh	10/06/2004	CCQ2211H						0.0	
42	2122110276	Đặng Hoàng	Nam	01/11/2004	CCQ2211G	7.5	7.5	8.0	8.0	9.0	8.1	
43	2122110281	Nguyễn Phương	Nam	08/12/2003	CCQ2211H	7.0	7.5	6.5	9.0	10.0	8.4	
44	2122110275	Võ Hoài	Nam	26/04/2004	CCQ2211G	5.5	6.5	7.0	8.0	5.0	6.4	
45	2122110296	Huỳnh Ngô Hữu	Nghị	03/07/2004	CCQ2211H						0.0	
46	2122110280	Bùi Hữu	Nghĩa	20/08/2003	CCQ2211G	5.0	7.0	6.5	7.7	9.0	7.4	
47	2122110272	Dương Tấn	Ngọc	24/10/2004	CCQ2211G	6.0	6.0	7.0	8.7	9.0	7.8	
48	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	5.5	6.5	7.0	5.0	9.0	6.7	
49	2122110318	Nguyễn Nhật	Nguyên	25/09/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	6.5	5.0	9.0	6.8	
50	2122110299	Huỳnh	Nhã	27/09/2004	CCQ2211H	5.0	7.5	7.5	6.7	9.0	7.3	
51	2122110244	Lê Thị Hồng	Nhung	01/04/2004	CCQ2211G	6.0	7.0	7.5	6.3	10.0	7.6	
52	2122110302	Trần Tiến	Phát	30/03/2003	CCQ2211H	5.0	6.5	7.0	9.7	9.0	8.0	
53	2122110257	Lê Hải	Phú	04/06/2004	CCQ2211G	6.5	5.0	8.0	8.7	9.0	7.8	
54	2122110268	Nguyễn Hoàng	Phúc	15/02/2004	CCQ2211G	6.5	6.5	6.5	9.3	9.0	8.0	
55	2122110500	Phạm Hoàng	Phúc	16/12/2003	CCQ2211H						0.0	
56	2122110270	Vũ Đình	Phúc	17/08/2004	CCQ2211G						0.0	
57	2122110312	Mai Vũ	Quốc	19/06/2003	CCQ2211H	6.5	6.0	6.5	9.7	8.0	7.8	
58	2122110315	Nguyễn Vinh	Sơn	28/02/1998	CCQ2211H	6.5	7.0	6.5	9.3	10.0	8.4	
59	2122110242	Trượng Thị Kim	Sương	08/04/2004	CCQ2211G	7.0	7.5	7.5	7.3	9.0	7.8	
60	2122110248	Phạm Trần Xuân	Tân	12/10/2004	CCQ2211G	6.5	7.0	6.5	7.3	10.0	7.8	
61	2122110245	Phan Thị Thanh	Thảo	01/07/2004	CCQ2211G	5.0	7.0	7.5	5.0	9.0	6.8	
62	2122110277	Nguyễn Phước	Thắng	24/01/2004	CCQ2211G	5.5	6.5	7.0	8.3	10.0	7.9	
63	2122110246	Trần	Thức	22/02/2003	CCQ2211G	7.0	6.5	8.0	8.7	9.0	8.1	
64	2122110254	Phan Ngọc	Thương	06/09/2004	CCQ2211G	6.5	6.5	6.5	8.7	9.0	7.8	

65	2122110301	Tiêu Thị Minh	Thương	15/04/2004	CCQ2211H	6.0	7.0	7.5	6.7	9.0	7.4	
66	2122110253	Nguyễn Văn	Tĩnh	05/10/2004	CCQ2211G	5.5	6.5	6.5	8.0	9.0	7.5	
67	2122110256	Huỳnh Minh	Trí	14/02/2004	CCQ2211G	5.0	5.5	6.5	9.7	9.0	7.8	
68	2122110250	Trần Nhật	Tú	28/09/2004	CCQ2211G	7.5	7.0	8.0	10.0	10.0	8.9	
69	2122110263	Nguyễn Thanh	Tuấn	14/05/2004	CCQ2211G	5.5	7.0	8.0	5.7	9.0	7.1	
70	2122110251	Nguyễn Trung	Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G	6.0	7.0	8.0	7.0	9.0	7.6	
71	2122110283	Phạm Chánh	Tuấn	01/01/2004	CCQ2211H	4.5	6.5	8.0	8.7	9.0	7.8	
72	2122110310	Loan Thanh	Tùng	16/12/2004	CCQ2211H	5.0	7.0	6.5	5.3	9.0	6.7	
73	2122110317	Phan Thành	Vĩ	03/02/2004	CCQ2211H	6.5	7.0	6.5	8.0	10.0	8.0	
74	2122110258	Huỳnh Đức	Việt	12/07/2004	CCQ2211G	7.0	7.5	6.5	8.7	9.0	8.1	
75	2122110285	Nguyễn Quốc	Việt	28/09/2004	CCQ2211H	5.5	6.5	7.0	8.7	9.0	7.8	
76												
77												
78												
79												
80												

Tp. Thủ Đức, ngày 03 tháng 04 năm 2023

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Trung Lục